

Số: 13/QĐ-PGDĐT

Quảng Yên, ngày 13 tháng 01 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai Dự toán thu - chi ngân sách nhà nước  
giao đầu năm 2020 của các đơn vị trường học trực thuộc**

### **TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước,

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ,

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ,

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-PGDĐT ngày 06/01/2020 của Phòng GD&ĐT Quảng Yên về việc giao dự toán thu- chi ngân sách năm 2020,

Xét đề nghị của Kế toán phòng GD&ĐT về việc công khai số liệu phân bổ dự toán thu - chi ngân sách nhà nước đầu năm 2020 cho các đơn vị trường học trực thuộc,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu phân bổ dự toán thu - chi ngân sách nhà nước đầu năm 2020 cho các đơn vị trường học trực thuộc.

*(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Tổ văn phòng, kế toán phòng Giáo dục và Đào tạo, các đơn vị liên quan có trách nhiệm thực hiện quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (đề t/h);
- Phòng TC-KH, KBNN;
- Lưu: VT, KT./.

**TRƯỞNG PHÒNG**



**Hoàng Thu Hiền**

Phòng Giáo dục và Đào tạo Quảng Yên

Chương: 622



Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC  
ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO  
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC ĐẦU NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số 13/QĐ- PGDDT ngày 13/01/2020 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Quảng Yên)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

ĐV tính: triệu đồng

| Số<br>TT | Nội dung                      | Thu học<br>phí | Chi từ nguồn thu<br>học phí để lại    |                                      | Dự toán chi ngân sách nhà nước                       |                           |                                            |                                    |                                            |                                                |                       |                                   |
|----------|-------------------------------|----------------|---------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------------|------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------|
|          |                               |                | Dự<br>nguồn<br>tăng<br>lương<br>(40%) | Nguồn<br>cân đối<br>để lại<br>đơn vị | Phân bổ<br>dự toán<br>chi Thị xã<br>giao năm<br>2020 | Nguồn tự chủ              |                                            | Nguồn không tự<br>chủ              |                                            | Dự toán<br>ngân sách<br>thị xã cấp<br>năm 2019 | Gồm:                  |                                   |
|          |                               |                |                                       |                                      |                                                      | Dự toán<br>giao tự<br>chủ | Tiết<br>kiệm<br>10% chi<br>thường<br>xuyên | Dự toán<br>giao<br>không tự<br>chủ | Tiết<br>kiệm<br>10% chi<br>thường<br>xuyên |                                                | Dự toán<br>cấp tự chủ | Dự toán<br>cấp<br>không<br>tự chủ |
| 1        | 2                             | 3              | 4                                     | 5                                    | 6                                                    | 7                         | 8                                          | 9                                  | 10                                         | 11                                             | 12                    | 13                                |
| <b>A</b> | <b>KHÔI TRƯỜNG HỌC</b>        | <b>4.525</b>   | <b>1.810</b>                          | <b>2.715</b>                         | <b>246.163</b>                                       | <b>243.366</b>            | <b>4.311</b>                               | <b>2.797</b>                       | <b>0</b>                                   | <b>241.852</b>                                 | <b>239.055</b>        | <b>2.797</b>                      |
| <b>I</b> | <b>Khối mầm non, mẫu giáo</b> | <b>2.735</b>   | <b>1.094</b>                          | <b>1.641</b>                         | <b>76.742</b>                                        | <b>76.382</b>             | <b>1.537</b>                               | <b>360</b>                         | <b>0</b>                                   | <b>75.205</b>                                  | <b>74.845</b>         | <b>360</b>                        |
| 1        | Trường Mầm non Cộng Hòa       | 162            | 65                                    | 97                                   | 5.002                                                | 4.992                     | 99                                         | 10                                 |                                            | 4.903                                          | 4.893                 | 10                                |
| 2        | Trường Mầm non Hà An          | 148            | 59                                    | 89                                   | 4.333                                                | 4.328                     | 82                                         | 5                                  |                                            | 4.251                                          | 4.246                 | 5                                 |
| 3        | Trường Mầm non Hoàng Tân      | 30             | 12                                    | 18                                   | 3.462                                                | 3.462                     | 66                                         | 0                                  |                                            | 3.396                                          | 3.396                 | 0                                 |
| 4        | Trường Mầm non Minh Thành     | 176            | 70                                    | 106                                  | 5.534                                                | 5.519                     | 114                                        | 15                                 |                                            | 5.420                                          | 5.405                 | 15                                |
| 5        | Trường Mầm non Liên Vị        | 130            | 52                                    | 78                                   | 3.639                                                | 3.619                     | 82                                         | 20                                 |                                            | 3.557                                          | 3.537                 | 20                                |
| 6        | Trường Mầm non Phong Cốc      | 130            | 52                                    | 78                                   | 3.148                                                | 3.136                     | 65                                         | 12                                 |                                            | 3.083                                          | 3.071                 | 12                                |
| 7        | Trường Mầm non Phong Hải      | 126            | 50                                    | 76                                   | 3.925                                                | 3.895                     | 76                                         | 30                                 |                                            | 3.849                                          | 3.819                 | 30                                |
| 8        | Trường Mầm non Tiền An        | 130            | 52                                    | 78                                   | 3.926                                                | 3.881                     | 74                                         | 45                                 |                                            | 3.852                                          | 3.807                 | 45                                |
| 9        | Trường Mầm non Yên Giang      | 55             | 22                                    | 33                                   | 2.269                                                | 2.261                     | 35                                         | 8                                  |                                            | 2.234                                          | 2.226                 | 8                                 |
| 10       | Trường Mầm non Đông Mai       | 150            | 60                                    | 90                                   | 4.992                                                | 4.972                     | 97                                         | 20                                 |                                            | 4.895                                          | 4.875                 | 20                                |
| 11       | Trường Mầm non Cẩm La         | 108            | 43                                    | 65                                   | 3.184                                                | 3.164                     | 65                                         | 20                                 |                                            | 3.119                                          | 3.099                 | 20                                |

| Số TT     | Nội dung                     | Thu học phí | Chi từ nguồn thu học phí để lại |                             | Dự toán chi ngân sách nhà nước           |                     |                                |                           |                                |                                       |                    |                          |
|-----------|------------------------------|-------------|---------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------|---------------------|--------------------------------|---------------------------|--------------------------------|---------------------------------------|--------------------|--------------------------|
|           |                              |             | Dự nguồn tăng lương (40%)       | Nguồn cân đối để lại đơn vị | Phân bổ dự toán chi Thị xã giao năm 2020 | Nguồn tự chủ        |                                | Nguồn không tự chủ        |                                | Dự toán ngân sách thị xã cấp năm 2019 | Gồm:               |                          |
|           |                              |             |                                 |                             |                                          | Dự toán giao tự chủ | Tiết kiệm 10% chi thường xuyên | Dự toán giao không tự chủ | Tiết kiệm 10% chi thường xuyên |                                       | Dự toán cấp tự chủ | Dự toán cấp không tự chủ |
| 12        | Trường Mầm non Hiệp Hòa      | 235         | 94                              | 141                         | 5.809                                    | 5.784               | 137                            | 25                        |                                | 5.672                                 | 5.647              | 25                       |
| 13        | Trường Mầm non Liên Hòa      | 122         | 50                              | 72                          | 4.120                                    | 4.085               | 94                             | 35                        |                                | 4.026                                 | 3.991              | 35                       |
| 14        | Trường Mầm non Nam Hòa       | 90          | 36                              | 54                          | 3.555                                    | 3.530               | 62                             | 25                        |                                | 3.493                                 | 3.468              | 25                       |
| 15        | Trường Mầm non Sông Khoai    | 227         | 91                              | 136                         | 5.759                                    | 5.729               | 132                            | 30                        |                                | 5.627                                 | 5.597              | 30                       |
| 16        | Trường Mầm non Tân An        | 105         | 42                              | 63                          | 3.085                                    | 3.065               | 66                             | 20                        |                                | 3.019                                 | 2.999              | 20                       |
| 17        | Trường Mầm non Tiên Phong    | 17          | 7                               | 10                          | 1.751                                    | 1.736               | 31                             | 15                        |                                | 1.720                                 | 1.705              | 15                       |
| 18        | Trường Mầm non Yên Hải       | 126         | 50                              | 76                          | 3.611                                    | 3.591               | 69                             | 20                        |                                | 3.542                                 | 3.522              | 20                       |
| 19        | Trường Mầm non Hoa Hồng      | 468         | 187                             | 281                         | 5.638                                    | 5.633               | 91                             | 5                         |                                | 5.547                                 | 5.542              | 5                        |
| <b>II</b> | <b>Khối tiểu học</b>         |             |                                 |                             | <b>91.887</b>                            | <b>90.591</b>       | <b>1.527</b>                   | <b>1.296</b>              | <b>0</b>                       | <b>90.360</b>                         | <b>89.064</b>      | <b>1.296</b>             |
| 1         | Trường Tiểu học Liên Vị      |             |                                 |                             | 5.990                                    | 5.904               | 118                            | 86                        |                                | 5.872                                 | 5.786              | 86                       |
| 2         | Trường Tiểu học Hà An        |             |                                 |                             | 4.484                                    | 4.429               | 83                             | 55                        |                                | 4.401                                 | 4.346              | 55                       |
| 3         | Trường Tiểu học Ngô Quyền    |             |                                 |                             | 5.508                                    | 5.459               | 76                             | 49                        |                                | 5.432                                 | 5.383              | 49                       |
| 4         | Trường Tiểu học Phong Cốc    |             |                                 |                             | 3.535                                    | 3.482               | 58                             | 53                        |                                | 3.477                                 | 3.424              | 53                       |
| 5         | Trường Tiểu học Sông Khoai 1 |             |                                 |                             | 4.147                                    | 4.056               | 79                             | 91                        |                                | 4.068                                 | 3.977              | 91                       |
| 6         | Trường Tiểu học Liên Hòa     |             |                                 |                             | 4.833                                    | 4.767               | 89                             | 66                        |                                | 4.744                                 | 4.678              | 66                       |
| 7         | Trường Tiểu học Minh Thành   |             |                                 |                             | 8.529                                    | 8.444               | 125                            | 85                        |                                | 8.404                                 | 8.319              | 85                       |
| 8         | Trường Tiểu học Hiệp Hòa     |             |                                 |                             | 6.059                                    | 5.973               | 108                            | 86                        |                                | 5.951                                 | 5.865              | 86                       |
| 9         | Trường Tiểu học Nguyễn Bình  |             |                                 |                             | 4.836                                    | 4.779               | 68                             | 57                        |                                | 4.768                                 | 4.711              | 57                       |
| 10        | Trường Tiểu học Nam Hòa      |             |                                 |                             | 3.751                                    | 3.673               | 58                             | 78                        |                                | 3.693                                 | 3.615              | 78                       |
| 11        | Trường Tiểu học Yên Giang    |             |                                 |                             | 3.963                                    | 3.916               | 57                             | 47                        |                                | 3.906                                 | 3.859              | 47                       |
| 12        | Trường Tiểu học Sông Khoai 2 |             |                                 |                             | 2.941                                    | 2.889               | 54                             | 52                        |                                | 2.887                                 | 2.835              | 52                       |
| 13        | Trường Tiểu học Tiên An      |             |                                 |                             | 4.092                                    | 4.004               | 82                             | 88                        |                                | 4.010                                 | 3.922              | 88                       |



[illegible]